

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 53/2017/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**V/v Quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách, biểu mẫu
và thời gian gửi báo cáo ngân sách**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/04/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 5 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 5 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Xét Tờ trình số 196/TTr-UBND ngày 29/6/2017 của UBND tỉnh đề nghị về việc Quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách, biểu mẫu và thời gian gửi kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương, quyết toán ngân sách địa phương; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách, biểu mẫu và thời gian gửi kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương, quyết toán ngân sách địa phương như sau:

1. Thời gian gửi dự toán, phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp như sau:

a) Cấp tỉnh: Gửi Ban kinh tế - ngân sách trước ngày 25 tháng 11; gửi Thường trực Hội đồng nhân dân trước ngày 30 tháng 11; gửi Hội đồng nhân dân chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ cuối năm của năm trước;

b) Cấp huyện: Gửi Ban kinh tế - xã hội trước ngày 05 tháng 12; gửi Thường trực Hội đồng nhân dân trước ngày 10 tháng 12; gửi Hội đồng nhân dân chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ cuối năm của năm trước;

c) Cấp xã: Gửi Thường trực Hội đồng nhân dân trước ngày 15 tháng 12; gửi Hội đồng nhân dân chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ cuối năm của năm trước.

2. Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm:

a) Gửi kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 7 của năm trước;

b) Gửi kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm để Hội đồng nhân dân tỉnh tham khảo khi thảo luận, xem xét thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách hằng năm: Gửi Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày 25 tháng 11; gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 11; gửi Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ cuối năm của năm trước.

3. Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn sau:

a) Gửi Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 11 của năm thứ tư của kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn trước;

b) Gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 11 của năm thứ tư của kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn trước;

c) Gửi Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ cuối năm của năm thứ năm của kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn trước.

4. Thời gian Ủy ban nhân dân các cấp giao dự toán ngân sách địa phương cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách địa phương cấp dưới:

a) Cấp tỉnh: Trước ngày 15 tháng 12 của năm trước;

b) Cấp huyện: Trước ngày 25 tháng 12 của năm trước.

5. Thời gian Ủy ban nhân dân gửi báo cáo quyết toán ngân sách:

a) Ủy ban nhân dân gửi báo cáo quyết toán ngân sách địa phương đến Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp để thẩm tra; đồng thời gửi cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp: Cấp tỉnh trước ngày 20 tháng 9 của năm sau; cấp huyện trước ngày 05 tháng 4 của năm sau; cấp xã trước ngày 05 tháng 3 của năm sau;

b) Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết toán ngân sách địa phương để cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân: Cấp

tính trước ngày 25 tháng 9 của năm sau; cấp huyện trước ngày 15 tháng 4 của năm sau; cấp xã trước ngày 15 tháng 3 của năm sau.

6. Thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện:

a) Thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã: Trước ngày 30 tháng 6 của năm sau;

b) Thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện: Trước ngày 15 tháng 7 của năm sau.

7. Biểu mẫu của các cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính và Ủy ban nhân dân cấp trên:

a) Biểu báo cáo kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm theo Biểu mẫu 01 đến Biểu mẫu số 12 đính kèm;

b) Biểu mẫu dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, báo cáo kết quả tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh Khóa XVIII, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 12/7/2017 và có hiệu lực từ ngày 01/8/2017./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: LĐVP, phòng Tổng hợp, lưu VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hương Giang



Biểu mẫu số 01

ĐU BẢO MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN...

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

(Dùng cho UBND cấp huyện báo cáo Sở KHĐT, Sở KHĐT báo cáo UBND tỉnh năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn trước	Thực hiện giai đoạn trước						Kế hoạch giai đoạn...
				Tổng giai đoạn	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Tổng sản phẩm trong nước (GRDP) theo giá hiện hành	Triệu đồng								
2	Tốc độ tăng trưởng GRDP	%								
3	Cơ cấu kinh tế									
	- Nông, lâm, ngư nghiệp	%								
	- Công nghiệp, xây dựng	%								
	- Dịch vụ	%								
4	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%								
5	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn	Triệu đồng								
	Tỷ lệ so với GRDP	%								
	- Vốn ngân sách nhà nước	Triệu đồng								
	- Vốn tín dụng	Triệu đồng								
	- Vốn doanh nghiệp và dân cư	Triệu đồng								
	- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Triệu đồng								
6	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD								
	Tốc độ tăng	%								
7	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD								
	Tốc độ tăng	%								
8	Dân số	1.000 người								
9	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng								
10	Giải quyết việc làm mới	1.000 lao động								
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%								
12	Tỷ lệ hộ nghèo	%								
13	Tỷ lệ giảm hộ nghèo	%/năm								
14	Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	%								
15	Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	xã								
16									

Ghi chú: Cột 9 không chi tiết từng năm.

-	Thu bổ sung cân đối ngân sách								
-	Thu bổ sung có mục tiêu								
D	TỔNG CHI NSDP								
	<i>Tốc độ tăng thu NSDP (%)</i>								
	<i>Tỷ lệ chi NSDP so với GRDP (%)</i>								
I	Chi đầu tư phát triển (1)								
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>								
	<i>Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)</i>								
II	Chi thường xuyên								
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>								
	<i>Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)</i>								
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay								
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>								
	<i>Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)</i>								
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương								
E	BỘI CHI/BỘI THU NSDP								
G	TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP								
I	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP								
II	Mức dư nợ đầu kỳ (năm)								
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)</i>								
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với GRDP (%)</i>								
III	Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)								
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc								
-	Từ nguồn bội thu NSDP; tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách cấp tỉnh								
IV	Tổng mức vay trong kỳ (năm)								
-	Vay để bù đắp bội chi								
-	Vay để trả nợ gốc								
V	Mức dư nợ cuối kỳ (năm)								
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)</i>								
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với GRDP (%)</i>								

Ghi chú: (1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dư toàn chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Cột 8 không chi tiết từng năm.



DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 05 NĂM...

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

(Dùng cho Sở KHĐT báo cáo UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 05 năm...(2)			Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 05 năm(2)			Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)	Tổng số	Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
TỔNG SỐ								
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
1	<i>Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</i>							
2	<i>Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>							
3	<i>Vốn cân đối địa phương theo tiêu chí, định mức</i>							
4	<i>Bội chi/ bội thu NSDP (1)</i>							
II	CHI ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
I	Các chương trình mục tiêu quốc gia							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
a	Chương trình mục tiêu quốc gia...							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
b	Chương trình mục tiêu quốc gia							
	...							
	<i>Phân loại như trên</i>							

...	...							
2	Các chương trình mục tiêu							
	<i>Trong đó:</i>							
-	<i>Vốn trong nước</i>							
-	<i>Vốn nước ngoài</i>							
a	Chương trình mục tiêu ...							
	<i>Trong đó:</i>							
-	<i>Vốn trong nước</i>							
-	<i>Vốn nước ngoài</i>							
b	Chương trình mục tiêu...							
	<i>Phân loại như trên</i>							
...	...							
III	DỰ PHÒNG THEO LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG							
1	<i>Vốn trong nước</i>							
2	<i>Vốn nước ngoài</i>							



Biểu mẫu số 03b

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 05 NĂM...

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

(Dùng cho UBND cấp huyện báo cáo Sở KHĐT tổng hợp báo cáo UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 05 năm...(2)			Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 05 năm(2)			Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Tổng số	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
1	<i>Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</i>							
2	<i>Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>							
3	<i>Vốn cân đối địa phương theo tiêu chí, định mức</i>							
II	CHI ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
1	Các chương trình mục tiêu quốc gia							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
a	Chương trình mục tiêu quốc gia...							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
b	Chương trình mục tiêu quốc gia ...							
	<i>Phân loại như trên</i>							
...	...							
2	Các chương trình mục tiêu							

	<i>Trong đó:</i>							
-	<i>Vốn trong nước</i>							
-	<i>Vốn nước ngoài</i>							
a	Chương trình mục tiêu ...							
	<i>Trong đó:</i>							
-	<i>Vốn trong nước</i>							
-	<i>Vốn nước ngoài</i>							
b	Chương trình mục tiêu...							
	<i>Phân loại như trên</i>							
...	...							
III	DỰ PHÒNG THEO LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG							
1	<i>Vốn trong nước</i>							
2	<i>Vốn nước ngoài</i>							



Biểu mẫu số 07

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM...

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

(Dùng cho Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm N-1	Ước thực hiện năm N-1	So sánh		Dự toán ngân sách năm N (2)	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
				Tuyệt đối	Tương đối			
A	B	1	2	3= 2-1	4= 2/1	5	6	7
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP							
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp							
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên							
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách							
2	Thu bổ sung có mục tiêu							
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính							
IV	Thu kết dư							
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang							
B	TỔNG CHI NSDP							
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương							
1	Chi đầu tư phát triển (1)							
2	Chi thường xuyên							
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay							
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính							
5	Dự phòng ngân sách							
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương							
II	Chi các chương trình mục tiêu							
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia							
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ							
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau							
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP							
D	TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP							
I	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP							
II	Mức dư nợ đầu kỳ (năm)							
III	Trả nợ gốc vay của NSDP							
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc							
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh							
IV	Tổng mức vay của NSDP							
1	Vay để bù đắp bội chi							
2	Vay để trả nợ gốc							
V	Mức dư nợ cuối kỳ (năm)							

Ghi chú: (1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.



Biểu mẫu số 08

DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM...

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

(Dùng cho Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N	So sánh	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					
	Tỷ lệ thu NSNN so với CRDP (%)					
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GRDP (%)					
I	Thu nội địa					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
	Trong đó:					
1	Thu từ khu vực DN nhà nước do trung ương quản lý (1)					
2	Thu từ khu vực DN nhà nước do địa phương quản lý (2)					
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài (3)					
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)					
5	Thuế thu nhập cá nhân					
6	Thuế bảo vệ môi trường					
7	Lệ phí trước bạ					
8	Các khoản thu về tài sản, nhà, mặt đất, mặt nước					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi NHNN (5)					
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
III	Thu viện trợ					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					

Ghi chú:

(1) Doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý là doanh nghiệp do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.

(2) Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý là doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.

(3) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là các doanh nghiệp mà phần vốn do tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh.

(4) Doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là các doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, trừ các doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên.

(5) Thu chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước chi áp dụng đối với thành phố Hà Nội.



DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM...

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

(Dùng cho Cục Thuế gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N	So sánh	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					
	Tỷ lệ thu NSNN so với CRDP (%)					
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GRDP (%)					
I	Thu nội địa					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
	Trong đó:					
1	Thu từ khu vực DN nhà nước do trung ương quản lý (1)					
2	Thu từ khu vực DN nhà nước do địa phương quản lý (2)					
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài (3)					
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)					
5	Thuế thu nhập cá nhân					
6	Thuế bảo vệ môi trường					
7	Lệ phí trước bạ					
8	Các khoản thu về tài sản, nhà, mặt đất, mặt nước					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi NHNN (5)					

Ghi chú:

(1) Doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý là doanh nghiệp do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.

(2) Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý là doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.

(3) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là các doanh nghiệp mà phần vốn do tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh.

(4) Doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là các doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, trừ các doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên.

(5) Thu chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước chi áp dụng đối với thành phố Hà Nội.



Biểu mẫu số 08c

DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM...

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

(Dùng cho Cục Hải quan gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N	So sánh	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
1	Thuế xuất khẩu					
2	Thuế nhập khẩu					
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu					
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu					
5	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu					



**DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN GIAI ĐOẠN
03 NĂM...**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

(Dùng cho Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm N-1	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N (1)	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3	4	5
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH					
I	Nguồn thu ngân sách					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
-	Thu bổ sung có mục tiêu					
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
4	Thu kết dư					
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
II	Chi ngân sách					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh					
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
III	Bộ chi NSĐP/Bộ thu NSĐP					
B	NGÂN SÁCH HUYỆN					
I	Nguồn thu ngân sách					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
-	Thu bổ sung có mục tiêu					
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
II	Chi ngân sách					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách huyện					
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

Ghi chú: (1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.



DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO CƠ CẤU CHI GIAI ĐOẠN 03 NĂM...

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

(Dùng cho Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm N-1	Dự toán ngân sách năm N (2)	So sánh	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH					
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH HUYỆN					
I	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
II	Chi bổ sung có mục tiêu					
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC					
I	Chi đầu tư phát triển (1)					
I	Chi đầu tư cho các dự án					
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi các chương trình mục tiêu quốc gia					
	- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật.					
II	Chi thường xuyên					
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi các chương trình mục tiêu quốc gia					
	- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ					
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					

Ghi chú: (1) Năm đầu thời kỳ ấn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.



Biểu mẫu số 11

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM...

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

(Dùng cho Sở KHĐT báo cáo UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm N-1		Dự kiến kế hoạch đầu tư giai đoạn....		
		Dự toán năm N-1	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N (3)	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
	TỔNG SỐ					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
I	CHI ĐẦU TƯ CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN (I)					
1	Ngân sách cấp tỉnh (2)					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
	a Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất					
	b Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết					
	c Vốn cân đối địa phương theo tiêu chí, định mức					
	- Bội chi/ bội thu NSDP					
2	Ngân sách huyện					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
	Trong đó:					
	a Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất					
	b Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết (nếu có)					
	c Vốn cân đối địa phương theo tiêu chí, định mức					
II	CHI ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
1	Các chương trình mục tiêu quốc gia					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
a	Chương trình mục tiêu quốc gia...					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
b	Chương trình mục tiêu quốc gia...					

	<i>Phân loại như trên</i>					
...	...					
2	Các chương trình mục tiêu...					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
a	Chương trình mục tiêu...					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
b	Chương trình mục tiêu...					
	<i>Phân loại như trên</i>					
...	...					
B	DỰ PHÒNG THEO LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG					
-	<i>Vốn trong nước</i>					
-	<i>Vốn nước ngoài</i>					

Ghi chú: (1) Chưa bao gồm chi đầu tư cho các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu tại mục II.

(2) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(3) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.



Biểu mẫu số 11b

ĐU KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM...

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

(Dùng cho UBND cấp huyện báo cáo Sở KHĐT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm N-1		Dự kiến kế hoạch đầu tư giai đoạn....		
		Dự toán năm N-1	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N (3)	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
	TỔNG SỐ					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
I	CHI ĐẦU TƯ CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ					
1	Ngân sách cấp huyện					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
	a Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất					
	b Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết					
	c Vốn cân đối địa phương theo tiêu chí, định mức					
2	Ngân sách cấp xã					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
	Trong đó:					
	a Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất					
	b Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết (nếu có)					
	c Vốn cân đối địa phương theo tiêu chí, định mức					
II	CHI ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
I	Các chương trình mục tiêu quốc gia					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
a	Chương trình mục tiêu quốc gia...					
	Trong đó:					
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
b	Chương trình mục tiêu quốc gia...					

	<i>Phân loại như trên</i>					
...	...					
2	Các chương trình mục tiêu....					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
a	Chương trình mục tiêu...					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
b	Chương trình mục tiêu...					
	<i>Phân loại như trên</i>					
...	...					
B	DỰ PHÒNG THEO LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG					
-	<i>Vốn trong nước</i>					
-	<i>Vốn nước ngoài</i>					

Ghi chú: (1) Chưa bao gồm chi đầu tư cho các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu tại mục II.

(2) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển.

(3) Năm *N* là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm *N-1*, *N+1* và *N+2* là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.



Biểu mẫu số 12

ĐANH GIẢ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM...

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

(Dùng cho Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm...	Ước thực hiện năm...	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP				
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp				
1	Thu NSDP hưởng 100%				
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
2	Thu bổ sung có mục tiêu				
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP				
I	Tổng chi cân đối NSDP				
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi thường xuyên				
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách				
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi các chương trình mục tiêu				
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP				
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP				
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc				

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả nợ lãi vay, thu - chi quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSDP, vay và chi trả nợ gốc.



Biểu mẫu số 12b

DANH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM...*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

(Dùng cho UBND cấp huyện báo cáo Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm...	Ước thực hiện năm...	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP				
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp				
1	Thu NSDP hưởng 100%				
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
2	Thu bổ sung có mục tiêu				
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP				
I	Tổng chi cân đối NSDP				
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi thường xuyên				
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
4	Dự phòng ngân sách				
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi các chương trình mục tiêu				
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				